

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 17/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai Ph, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: tổ 46, khu 5 (nay là tổ 46, khu H1 5), phường H2, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ 58, khu 6B, phường H2, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: tổ 46, khu 5 (nay là tổ 46, khu H1 5), phường H2, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai Ph và anh Nguyễn Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Ph và anh T có 02 (*hai*) con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 25-10-2020 và Nguyễn Khánh A, sinh ngày 25-02-2024. Ly hôn, chị Ph và anh T thoả thuận giao con chung là Nguyễn Gia H cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao con chung là Nguyễn Khánh A cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị Ph và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ph và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph và anh T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Mai Ph có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Ph đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000442 ngày 29-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Ph được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1-Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường H2, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga